

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TBV21B1** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02111** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Kỹ năng giao tiếp**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTBV0130	Nguyễn Phát Học	25/07/2006	9	8.0	5.8		6.8
2	21BTBV0132	Trịnh Quốc Hùng	29/08/2006	7	7.0	5.8		6.3
3	21BTBV0133	Nguyễn Chấn Hưng	16/07/2006	7	7.0	5.3		6.0
4	21BTBV0134	Võ Hoàng Huy	12/11/1999	9	8.0	8.8		8.6
5	21BTBV0135	Lương Nhĩ Khang	16/07/2006	6	7.0	5.0		5.7
6	21BTBV0137	Nguyễn Thị Thảo Ngân	22/03/2002	6	7.0	5.0		5.7
7	21BTBV0138	Phạm Thành Ngoan	10/09/2003	7	8.0	6.8		7.1
8	21BTBV0141	Đặng Văn Quang	21/11/2006	9	8.0	5.0		6.3
9	21BTBV0142	Trần Gia Thắng	22/12/2006	9	8.0	5.3		6.5
10	21BTBV0144	Nguyễn Thanh Trọng	22/05/1995	9	7.0	7.3		7.4
11	21BTBV0145	Trần Minh Trọng	18/05/2004	8	7.0	7.3		7.3
12	21BTBV0333	Đoàn Thanh Phúc	10/10/2005	8	8.0	7.3		7.6
13	21BTBV0586	Chau Sóc Cuoi	10/04/2003	9	7.0	6.8		7.1

Châu Đốc, ngày 2 tháng 2 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Quách Trung Thịnh